

Bản án số: 251/2023/HS-ST
Ngày 11/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sinh Tụ và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân thành phố Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2023/TLST-HS ngày 17/8/2023/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐXXST- HS ngày 22/8/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 05 tháng 7 năm 1989, tại Thái Nguyên.

Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã S, thành phố T.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Nguyễn Văn S (Đã chết), con bà: Diệp Thị S1, sinh năm 1958

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 02

Tại Bản án số 135/2020/HSST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn T 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Giá trị tài sản là 3.500.000 đồng). Ra trại ngày 05/02/2021.

Tại Bản án số 544/2021/HSST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Giá trị tài sản là 400.000 đồng). Ra trại ngày 22/6/2022.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Tại Bản án số 1822/PTHS ngày 24/11/2004 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Nguyễn Văn T 03 năm tù về tội “Giết người”, không phải chịu án phí. Ra trại ngày 31/5/2007.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2023) đến nay (có mặt).

Người bị hại: 1. Hoàng Thị Vân H, sinh năm 1984
Địa chỉ: Xóm L, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Phạm Thị H1, sinh năm 1982
Địa chỉ: Xóm G, xã S, thành phố T

3. Đoàn Thị H2, sinh năm 1978
Địa chỉ: Xóm B, xã S, thành phố T.

4. Trần Thị L, sinh năm 1972
Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, thành phố T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ninh Thị N, sinh năm 1988
Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng: Ngô Khoát H3
Địa chỉ: Xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 11/01/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS: 29M3-3857, màu đỏ chở Ninh Thị N (sinh năm 1988, trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) đi từ nhà của N đến chợ G thuộc xóm S, xã S, thành phố T để trộm cắp tài sản trong chợ mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 01 giờ ngày 12/01/2023, T và N đến chợ và dựng xe mô tô bên ngoài cổng rồi đi bộ vào trong chợ để trộm cắp tài sản. Thêm và N đã trộm cắp tài sản tại các quầy bán hàng gồm:

Tại quầy của chị Phạm Thị H1, T và N lấy được khoảng 04 kg cá Cơm khô, khoảng 05 kg cá Đò khô, khoảng 05 kg cá Hồng khô, khoảng 04 kg cá Chác Tầm khô, khoảng 04 kg cá Múi khô, khoảng 03 kg cá Chim khô, khoảng 02 kg tép khô, khoảng 04 kg cá Bống khô, khoảng 03 kg cá Cơm tấm khô để trong các hộp giấy trên bàn trong quầy rồi cho vào bao tải mang ra cổng phụ của chợ C.

Tại quầy của chị Trần Thị L, T và N lấy trộm 02 con cá chép, 04 con cá trắm cỏ, 01 con cá chim cho vào trong bao tải và mang ra cổng phụ cất giấu.

Tại quầy bán rau của chị Đoàn Thị H2, T mở hộp đựng tiền của chị H2 ra và lấy được số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tại quầy bán gà của chị Hoàng Thị Vân H, T và N lấy được 06 con gà gồm 01 con gà trống, 05 con gà mái cho vào bao tải.

Sau đó, T và N điều khiển xe mô tô chở số tài sản trộm cắp được nêu trên đến khu vực đường T, thành phố T bán cho người đàn ông không quen biết với giá 1.100.000 đồng và bớt lại 01 con cá, T và N mang về nhà nấu ăn cùng nhau. Số tiền trộm được và số tiền bán tài sản trộm cắp là 2.100.000 đồng, T và N đã

tiêu xài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị H1, chị L, chị H2, chị H đã đến Công an xã S, thành phố T để trình báo sự việc.

Ngày 31/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra yêu cầu định giá tài sản số 24/YC-ĐCSHS đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T tiến hành định giá tài sản nêu trên.

Tại Công văn số 65/HĐĐGTS ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thành phố T về việc từ chối định giá theo yêu cầu định giá tài sản: Do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không cung cấp được thông tin liên quan đến tài sản định giá nên Hội đồng định giá tài sản thành phố từ chối định giá tài sản theo Yêu cầu định giá tài sản số 24/YC-ĐCSHS ngày 31/3/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T.

Ngày 31/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Yêu cầu định giá tài sản số 25/YC-ĐCSHS đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T tiến hành định giá tài sản sau: khoảng 04 kg cá cơm khô; khoảng 05 kg cá đồ khô; khoảng 05 kg cá hồng khô; khoảng 04 kg cá chác tằm khô; khoảng 04 kg cá mối khô; khoảng 03kg cá chim khô; khoảng 02 kg tép khô; khoảng 04 kg cá bông khô; khoảng 03kg cá cơm tằm khô; 05 quả dừa.

Tại Công văn số 66/HĐĐGTS ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thành phố T về việc từ chối định giá theo yêu cầu định giá tài sản: Do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không cung cấp được thông tin liên quan đến tài sản định giá nên Hội đồng định giá tài sản thành phố từ chối định giá tài sản theo Yêu cầu định giá tài sản số 25/YC-ĐCSHS ngày 31/3/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T.

Ngày 31/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Yêu cầu định giá tài sản số 26/YC-ĐCSHS đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T tiến hành định giá tài sản sau: 04 con cá trắm cỏ, còn sống, mỗi con nặng khoảng 4kg; 01 con cá chép giòn nặng khoảng 04kg, còn sống; 01 con cá chim nặng khoảng 02kg, còn sống; 01 con cá chép thường nặng khoảng 02kg, còn sống.

Tại Công văn số 67/HĐĐGTS ngày 03/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS thành phố T về việc từ chối định giá theo yêu cầu định giá tài sản: Do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không cung cấp được thông tin liên quan đến tài sản định giá nên Hội đồng định giá tài sản thành phố từ chối định giá tài sản theo Yêu cầu định giá tài sản số 26/YC-ĐCSHS ngày 31/3/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - tím, BKS: 29M3-3857, đã qua sử dụng, đăng ký xe mang tên Phạm Lê M, địa chỉ: P N, B. Qua xác minh xác định tại P – T1, B không có công dân sinh sống mang tên Phạm Lê M. Quá trình điều tra T khai mua xe mô tô trên của 01 người không quen biết tại khu vực G thuộc phường H, thành phố T.

Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 156/VKS-CT ngày 15/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn Thêm về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại quyết định trả hồ sơ số 05/2023 ngày 17/8/2023 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát thành phố T để điều tra bổ sung xác định rõ giá trị các tài sản mà T và N đã trộm cắp, tuy nhiên tại văn bản số 11 ngày 17/8/2023 Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố với bị cáo T; do đó Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại giá trị tài sản cho bị hại và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người đúng tội không oan. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 12/01/2023, tại chợ G thuộc xóm S, xã S, thành phố T, Nguyễn Văn T và Ninh Thị N đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 1.000.000 đồng của chị Đoàn Thị H2. Ngoài ra, T và N còn trộm cắp cá khô, tép khô và 05 quả dứa của chị Phạm Thị H1; 06 con gà của chị Hoàng Thị Vân H; 07 con cá của chị Trần Thị L mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi của bị cáo T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự:

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá ... dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

b) Đã bị kết án về tội này, ... chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Do đó bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, cụ thể là tài sản của chị H2, chị H1, chị H, chị L, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc cho bị hại và quần chúng nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s. h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt tù nhưng bị cáo vẫn không cải sửa mà lao vào con đường phạm tội nên cần phải xử bị cáo mức án thỏa đáng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[6] Sau khi xét hành vi, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề xuất mức hình phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù là có phần nghiêm khắc do đó hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là chị H1 chị L chị H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường, chị H4 yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000đồng có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với số tiền bị cáo bán các tài sản do bị cáo và N trộm cắp cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - tím, BKS: 29M3-3857.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho chị Hoàng Thị Vân H số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

Truy thu số tiền 1.100.000 đồng của bị cáo T nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn đề nghị Thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại điều 468 BLDS.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ - tím, BKS: 29M3-3857 (đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 356 ngày 15/6/2023 giữa Chi cục Thi hành dân sự thành phố T và Công an thành phố T).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- Công an TP Thái Nguyên
- CQ THAHS TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo và người TGTT khác;
- Lưu HS, Lưu VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Liên

